

Số: 105/2019/ ASCO HT - BCKT

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:** Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Dịch vụ đường cao tốc Việt Nam

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ đường cao tốc Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 14/03/2020, từ trang 06 đến trang 36 kèm theo, bao gồm: Bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2019, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

**Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 8 – Thuyết minh Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2019, một số khoản công nợ phải thu đã quá hạn thanh toán với tổng số tiền: 8.553.687.326 đồng chưa được công ty trích lập dự phòng phải thu khó đòi. Đây là các khoản nợ phải thu khó đòi thuộc diện phải trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi với mức trích lập 100% giá trị theo quy định tại thông tư 48/2019/TT-BTC.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ đường cao tốc Việt Nam tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**Trần Xuân Bách**

**Giám đốc**

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 3939-2019-149-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN ASCO - CHI NHÁNH HÀ THÀNH**

*Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2020*

**Đàm Xuân Tùng**

**Kiểm toán viên**

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 3976-2017-149-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
*Tại ngày 31/12/2019*

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2019</b> <b>VND</b>	<b>01/01/2019</b> <b>VND</b>
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>109.201.758.280</b>	<b>114.361.986.422</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>3.699.520.240</b>	<b>503.450.783</b>
Tiền	111		699.520.240	503.450.783
Các khoản tương đương tiền	112		3.000.000.000	-
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>27.179.931.507</b>	<b>36.700.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	27.179.931.507	36.700.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>61.374.273.995</b>	<b>64.300.905.023</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	25.990.074.359	18.495.219.626
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		8.086.446.482	1.763.791.418
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	33.149.596.957	49.300.799.847
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(5.851.843.803)	(5.258.905.868)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>16.442.666.063</b>	<b>12.521.570.138</b>
Hàng tồn kho	141		16.442.666.063	12.521.570.138
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>505.366.475</b>	<b>336.060.478</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	505.366.475	336.060.478
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>21.605.290.092</b>	<b>22.311.923.321</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>4.873.849.100</b>	<b>4.873.849.100</b>
Phải thu dài hạn khác	216	7	4.873.849.100	4.873.849.100
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>11.120.663.223</b>	<b>11.666.301.813</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	11	11.120.663.223	11.666.301.813
- Nguyên giá	222		22.971.115.815	22.934.752.179
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(11.850.452.592)	(11.268.450.366)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>3.005.546.568</b>	<b>3.024.769.905</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	3.005.546.568	3.024.769.905
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.605.231.201</b>	<b>2.747.002.503</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	10	2.605.231.201	2.747.002.503
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>130.807.048.372</b>	<b>136.673.909.743</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**  
Tại ngày 31/12/2019

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>35.761.136.204</b>	<b>41.431.653.915</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>35.761.136.204</b>	<b>41.431.653.915</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	12.566.417.633	14.526.552.550
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		627.482.000	400.000.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	1.835.238.926	1.719.531.029
Phải trả người lao động	314		4.679.284.556	2.488.661.590
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	13.929.757.600	16.195.970.617
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		275.610.454	658.866.363
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	1.799.350.556	5.169.176.287
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		99.000	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		47.895.479	272.895.479
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>95.045.912.168</b>	<b>95.242.255.828</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>17</b>	<b>95.045.912.168</b>	<b>95.242.255.828</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		89.372.500.000	89.372.500.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		89.372.500.000	89.372.500.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		900.534.341	900.534.341
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.772.877.827	4.969.221.487
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>130.807.048.372</b>	<b>136.673.909.743</b>



**Bùi Thái Hòa**  
Giám đốc  
Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2020

*han*

**Nguyễn Xuân Hoàng**  
Kế toán trưởng

*gthb*

**Phạm Thị Hiền**  
Người lập



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>18</b>	<b>72.354.771.038</b>	<b>100.491.460.449</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>72.354.771.038</b>	<b>100.491.460.449</b>
Giá vốn hàng bán	11	19	61.895.188.075	88.699.088.578
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>10.459.582.964</b>	<b>11.792.371.871</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	2.075.610.938	2.167.702.714
Chi phí tài chính	22	21	75.994.230	14.405.751
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		75.994.230	14.405.751
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	6.986.774.492	7.561.849.508
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>5.472.425.180</b>	<b>6.383.819.326</b>
Thu nhập khác	31		-	90.909
Chi phí khác	32	23	94.858.803	130.706.701
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(94.858.803)</b>	<b>(130.615.792)</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>5.377.566.377</b>	<b>6.253.203.534</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	1.105.285.036	1.283.982.047
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>4.272.281.340</b>	<b>4.969.221.487</b>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>26</b>	<b>478</b>	<b>556</b>



**Bùi Thái Hòa**  
**Giám đốc**

Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2020

**Nguyễn Xuân Hoàng**  
**Kế toán trưởng**

**Phạm Thị Hiền**  
**Người lập**